

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

- Chủ đầu tư: Trung tâm Nuôi dưỡng và Phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc

- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua lương thực, thực phẩm, gia vị nấu ăn cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm năm 2026

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua lương thực, thực phẩm, gia vị nấu ăn cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm năm 2026

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Lựa chọn nhà thầu cung cấp lương thực, thực phẩm, gia vị nấu ăn cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm năm 2026

- Giá gói thầu: **4.589.603.000 VND**

- Nguồn vốn: Kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2026

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/ 2026

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, 1 túi hồ sơ

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 7 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (đến 31/12/2026, tùy điều kiện nào đến trước)

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

- Địa điểm giao hàng: Trung tâm Nuôi dưỡng và Phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc, địa chỉ: Thôn Chùa, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ

- Thời gian đặt hàng:

+ Thông thường Chủ đầu tư thực hiện báo đặt hàng hằng ngày trước 16h00 ngày hôm trước: *Nhà thầu cam kết có trách nhiệm phản hồi trong vòng 01 giờ kể từ khi nhận đơn hàng*

+ Trong trường hợp có biến động bất thường về số lượng suất ăn, chủ đầu tư sẽ thông báo: *Nhà thầu cam kết có trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh theo đúng số lượng đã được thông báo*

- Thời gian giao hàng (theo từng đợt):

+ Giao hàng hằng ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết): trước 7 giờ sáng đối với thực phẩm (rau, củ, quả, thịt, đồ ăn sáng,...)

+ Giao hàng theo đợt (02 lần/tháng) đối với gạo, gia vị, sữa

- Thời gian đổi hàng hóa không đảm bảo chất lượng: Nhà thầu cam kết có trách nhiệm cung cấp hàng hóa đúng số lượng, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật ngay sau khi Chủ đầu tư phát hiện lỗi, tối đa không quá 7 giờ 45 phút sáng ngày giao hàng, mọi chi phí phát sinh bởi sự thay thế do nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn

- Thời gian thu hồi hàng hóa không đảm bảo chất lượng: Nhà thầu có cam kết Ngay khi xác định hàng hóa giao đến không đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật tại Chương V hoặc bị lỗi, nhà thầu phải thực hiện thu hồi trong tối đa 24 giờ

- Hàng hóa mới 100%, được được sản xuất/khai thác/chế biến có thời gian gần nhất, nguyên đai nguyên kiện, không bị vỡ, hỏng, biến dạng hoặc có bất lợi trong quá trình sử dụng, được bảo quản, vận chuyển theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được phép lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành, có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

- Hàng hóa có thể có quy cách đóng gói khác so với yêu cầu của E-HSMT nhưng đảm bảo tổng khối lượng hàng hóa bằng hoặc lớn hơn so với khối lượng yêu cầu và đáp ứng với các yêu cầu kỹ thuật, tính chất của hàng hóa so với yêu cầu của E-HSMT.

- Hàng hóa đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật tại Mục 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật, phù hợp, tương thích, vận hành được trên các thiết bị hiện có đang sử dụng và yêu cầu chuyên môn của Chủ đầu tư.

1.2.2. Các cam kết thực hiện gói thầu

- Nhà thầu cam kết kiểm tra nguồn gốc, chủng loại, chất lượng hàng hóa trước khi cung cấp; Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm đầy đủ hồ sơ pháp lý có liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp, nguồn gốc xuất xứ, quy cách, mẫu mã và chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ hàng hóa chào thầu, kể cả hàng hóa thu mua từ cá nhân sản xuất, bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm hiện hành.

- Đối với thực phẩm tươi sống ngoài tỉnh phải được kiểm định theo quy định

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, tiến độ và thời gian giao nhận theo yêu cầu và đơn đặt hàng

- Trường hợp xảy ra ngộ độc thực phẩm do hàng hóa do Nhà thầu cung cấp, Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường thiệt hại và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả phát sinh

1.2.3. Năng lực thực hiện gói thầu:

a. Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm

- Nhà thầu được cấp Giấy chứng nhận đủ cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

hoặc

- Bản cam kết hàng hoá cung cấp cho gói thầu được đảm bảo ATVSTP theo quy định của Pháp luật được đăng ký tại địa phương (đối với nhà thầu không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Khoản 1, Điều 12, chương V, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm)

b. Nhà thầu có quy trình vận chuyển, bảo quản hàng hoá đảm bảo an toàn thực phẩm:

- Thiết bị, dụng cụ chứa đựng và vận chuyển thực phẩm phải bảo đảm kín, sạch, ngăn ngừa bụi bẩn, côn trùng và không gây ô nhiễm thực phẩm; được làm từ vật liệu an toàn, dễ vệ sinh.

- Có đầy đủ thiết bị kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, thông gió và các điều kiện bảo quản phù hợp với từng loại thực phẩm trong suốt quá trình vận chuyển.

- Có nội quy, quy trình bảo đảm an toàn thực phẩm trong vận chuyển; thực hiện kiểm soát chế độ bảo quản và bàn giao đối với thực phẩm có yêu cầu bảo quản đặc biệt.

- Phương tiện, thiết bị vận chuyển phải được vệ sinh trước, trong và sau khi sử dụng; không vận chuyển thực phẩm cùng hàng hóa độc hại hoặc có nguy cơ gây nhiễm chéo.

1.2.4. Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết:

- E-HSDT có Bảng so sánh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chi tiết các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật sau đây:

STT	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Nhóm hàng hoá
1	Củ khoai tây	Củ có màu vàng chanh, tươi, không thối dập. Quy cách: 5-10- kg/túi nilon Trên túi có dán tem ghi rõ Thông tin nhà sản xuất (NSX), số lượng, thông tin nhà cung cấp (NCC) và NCC phụ (nếu có) Ngày sản xuất (NSX): không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
2	Củ hành tây	Củ hành có màu trắng trong khi bỏ vỏ, tươi, không dập hoặc phần thối hỏng Quy cách: 5-10- kg/túi nilon Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
3	Quả bí đao	Quả có màu xanh tươi sáng, còn cứng không có phần thối hỏng Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
4	Quả bí đỏ	Quả có màu vàng tươi sáng, còn cứng, không có phần thối hỏng. Đáp ứng TCVN 10924:2015 hoặc tương đương Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có). NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
5	Hành lá	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon	Thực phẩm giao hàng ngày

		- Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1 thuần chủng, không biến đổi gen.	
6	Rau muống	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
7	Rau khoai lang	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
8	Rau cải thảo	Cây có màu trắng xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
9	Rau mùng tơi	Cây màu xanh, tươi, không có dập hoặc phần thối hỏng Sơ chế Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
10	Rau dền	Cây có màu xanh, đỏ tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có)	Thực phẩm giao hàng ngày

		NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	
11	Rau cải xanh	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng, không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
12	Rau cải bắp	Cây có màu trắng xanh tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng. Đáp ứng TCVN 10343:2015 hoặc tương đương Sơ chế: Theo đặt hàng. Quy cách: 1-3- 5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng Hàng loại 1, thuần chủng, không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
13	Củ cải	Củ có màu Trắng, tươi, không thối dập, không có phần thối hỏng. Kích thước củ dài 25-30cm Quy cách: 3 - 5 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
14	Cải bẹ	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: kg/túi nilon. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
15	Củ khoai môn	Củ có màu nâu đen, tươi, không thối dập.. Quy cách: 2 - 5 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có)	Thực phẩm giao hàng ngày

		NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	
16	Rau ngót	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Sơ chế: cắt khúc, cắt dài từ 5-8 cm Quy cách: 1-3- 5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
17	Rau giá	Giá đỗ màu trắng, không dập, ủng, đen, thâm hoặc không có phần thối hỏng. Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
18	Cà chua	Quả có màu đỏ, tươi sáng, còn cứng, không có phần thối hỏng Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
19	Mỳ gạo	Mỳ có màu đục của gạo, giòn cứng. không lẫn tạp chất, các sợi đều nhau. Đáp ứng theo TCVN 7050-2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 1-2 kg/túi Hàng mới sản xuất, hạn sử dụng còn tối thiểu là 3 tháng tính từ ngày giao hàng. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
20	Đỗ đen	Bóc vỏ, sấy khô, hạt cứng có màu đen không có phần thối hỏng và mối mọt. Đáp ứng TCVN 10924:2015 hoặc tương đương Quy cách: 1-3-5 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có)	Thực phẩm giao hàng ngày

		Hàng mới sản xuất, hạn sử dụng còn tối thiểu là 3 tháng tính từ ngày giao hàng. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	
21	Lạc nhân	Bóc vỏ, sảy khô, hạt cứng, không có phần thối hỏng và mối mọt. Đáp ứng TCVN 10924:2015 hoặc tương đương Quy cách: 1-3-5 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) Hàng mới sản xuất, hạn sử dụng còn tối thiểu là 3 tháng tính từ ngày giao hàng. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen.	Thực phẩm giao hàng ngày
22	Đỗ nhỏ	Bóc vỏ, sảy khô, hạt cứng, không có phần thối hỏng và mối mọt. Đáp ứng TCVN 10924:2015 hoặc tương đương Quy cách: 1-3-5 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) Hàng mới sản xuất, hạn sử dụng còn tối thiểu là 3 tháng tính từ ngày giao hàng Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
23	Rau cần tây	Cây có màu xanh, tươi, không có lá úa hoặc phần thối hỏng Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
24	Củ gừng	Củ to, đều củ, đều màu vàng nhạt, sáng bóng, không ướt, không thối hỏng Sơ chế: Nguyên vỏ nguyên củ Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
25	Củ Tỏi	Củ to, đều củ, đều màu trắng, sáng bóng, không ướt, không thối hỏng Sơ chế: Nguyên vỏ nguyên củ Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon	Thực phẩm giao hàng ngày

		- Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng	
26	Củ sả	Củ to, đều củ, đều màu tím nhạt, sáng bóng, không ươn, không thối hỏng Sơ chế: Nguyên vỏ nguyên củ Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
27	Củ măng ngọt	Củ có màu vàng nhạt hoặc xanh nhạt, tươi, không thối dập.. Quy cách: 5-10- kg/túi nilon - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin nhà sản xuất(NSX), số lượng, thông tin nhà cung cấp (NCC)và NCC phụ (nếu có) c. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
28	Chuối chín	Quả có màu xanh hoặc vàng, lõi có màu vàng nhạt, không dập hoặc phần thối hỏng Quy cách: đóng túi 10-20 quả, Trọng lượng: 250g/ quả trở lên NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
29	Dưa hấu	Quả có màu xanh, tươi, bên trong có màu đỏ, không dập hoặc phần thối hỏng Quy cách: đóng túi 2-3 quả. Trọng lượng từ 3kg/quả trở lên - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
30	Quả bưởi ngọt	Quả có màu xanh hoặc vàng, không dập hoặc phần thối hỏng Quy cách: đóng túi 5-10 quả. Trọng lượng 1,8-2kg/quả - Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có).	Thực phẩm giao hàng ngày

		NSX: không quá 1 tuần cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	
31	Thanh Long	Quả có màu trắng đục hoặc đỏ, không dập hoặc phần thối hỏng Quy cách: đóng túi 5-10 quả, Trọng lượng: 1-1.5kg/1quả. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
32	Cam ngọt	Quả có màu xanh hoặc vàng, lõi màu vàng không dập hoặc phần thối hỏng Quy cách: đóng túi 5-10 quả Trọng lượng 250-400g/ quả Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày
33	Tép khô	Có màu vàng thơm ngon, mùi đặc trưng, không mốc Quy cách: 1-3-5-10 kg/túi nilon Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có). Sơ chế theo đặt hàng Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
34	Tôm đồng	Tôm nguyên con, hàng loại 1, sơ chế làm sạch được bảo quản trong thùng xốp khi giao hàng. Đáp ứng theo TCVN 9217- 2012 hoặc tương đương Quy cách: 80-90 con/kg NSX: Tôm được đánh bắt trong vòng 01 ngày đến khi được giao hàng Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NXS, số lượng, thông tin nhà NCC và NCC phụ (nếu có) . Sơ chế theo đơn đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
35	Tôm sú	Tôm sú lớn tươi nguyên con hàng loại 1, thịt chắc và ngọt có màu đỏ/nâu/xám/xanh, không ương, chết, được bảo quản bằng sục khí, có nước kèm o xi khi giao hàng.	Thực phẩm giao hàng ngày

		Đáp ứng theo TCVN 9217- 2012 hoặc tương đương Quy cách: Size 20-25 con/kg Tôm được đánh bắt trong vòng 01 ngày đến khi được giao hàng. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NXS, số lượng, thông tin nhà NCC và NCC phụ (nếu có) Sơ chế theo đơn đặt hàng	
36	Thịt đà điểu	Thịt đà điểu loại 1, có màu đỏ sẫm tươi, ít mỡ, có bề mặt khô ráo, không dính nhớt và không có mùi hôi tanh. Thớ thịt to, dai, không bở, khi ấn tay vào có độ đàn hồi cao. Thịt có độ mềm hàm lượng sắt và Protein cao. Không dính lông và tạp chất lạ, không có xương ,nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng TCVN 7047: 2009; TCVN 12429-1-2018 hoặc tương đương Quy cách: đóng thùng 5, 10 kg/túi Trên túi có ghi rõ thông tin NSX số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
37	Thịt lợn chân giò lọc	Thịt hàng loại 1, có màu hồng nhạt đến hồng tươi tự nhiên (không có xương). Nguyên khối, không long, thớ thịt đều , bề mặt khô, ấn tay vào miếng thịt có độ đàn hồi, không dính lông và tạp chất lạ. Đáp ứng theo TCVN 7046: 2009 hoặc tương đương Sơ chế theo đặt hàng. Quy cách: đóng gói 3-5-10-15 kg/ túi Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ(nếu có) NSX: Không quá 24 giờ tính đến ngày giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
38	Giò gà	Giò gà hàng loại 1, có màu trắng đục hoặc trắng ngà sau khi luộc hoặc hấp, có vị thơm đặc trưng của giò thơm hấp dẫn. không lẫn tạp chất bẩn hoặc xương. Có mùi đặc trưng của thịt gà. Đáp ứng theo TCVN 7050-2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 1 kg/ cái. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng thông tin, NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ tính đến ngày giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày

39	Xúc xích lợn	Hàng loại 1, có màu vàng nhạt, có vị thơm đặc trưng của xúc xích thơm hấp dẫn. không lẫn tạp chất bẩn hoặc xương. Đáp ứng theo TCVN 7050-2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 1 kg/ cái. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng thông tin, NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ tính đến ngày giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
40	Giò lợn	Giò lợn hàng loại 1, có màu vàng nhạt, có vị thơm đặc trưng của giò thơm hấp dẫn. không lẫn tạp chất bẩn hoặc xương. Đáp ứng theo TCVN 7050-2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 1 kg/ cái. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng thông tin, NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ tính đến ngày giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
41	Chả lợn	Chả hàng loại 1, có màu vàng, có vị thơm, đặc trưng của chả thơm hấp dẫn. Miếng chả có mùi thơm, giòn, không lẫn xương hoặc tạp chất. Đáp ứng theo TCVN 7050-2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 1 kg/ cái. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng thông tin, NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ tính đến ngày giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
42	Cá rô phi lọc	Cá lọc bỏ xương (cá phi lê). Có màu xám bạc, xám xanh đến xanh đen với các vân ngang mờ hoặc rõ nét. Khi lọc có màu hồng nhạt hoặc trắng ngà. Đáp ứng theo TCVN 9217-2012 hoặc tương đương Trên hộp có tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) Quy cách: Miếng cá lọc bỏ xương có trọng lượng từ 0,6- 0,8kg/1 con NSX: Cá lọc bỏ xương được làm trong vòng 24 giờ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
43	Đậu phụ	Màu trắng , bề mặt mịn, không bị vàng. Sờ tay không bị nhót, không bị chua Quy cách: Thùng.	Thực phẩm giao hàng ngày

		Khi giao có lẫn nước chua để ổn định chất lượng đậu. Có tem phụ ghi rõ thông tin trên thùng NSX; số lượng thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Sơ chế theo yêu cầu. Hàng loại 1	
44	Trứng gà	Quả trứng có màu trắng, tròn, không dập vỡ. Bề mặt không dính phân gà. Đáp ứng TCVN 1858:2018 hoặc tương đương Khối lượng: từ 54-60 gram/quả Quy cách: 10 quả/vi (khay) hoặc 30 quả/vi (khay) Trên khay/vi (giấy/nhựa) có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 05 ngày kể từ ngày gà đẻ Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
45	Gà ta thịt	Hàng loại 1, gà săn chắc, tươi, da gà ta vàng, có chỗ vàng đậm như cánh, ức, lưng. da gà không bị thâm tím, tím tái, không có các đốm đen, thâm tím, nổi nốt. Đáp ứng TCVN 7047 : 2009 hoặc tương đương Gà được sơ chế sạch, mổ moi Quy cách: gà mổ sạch có trọng lượng 2kg đến 3kg/con (sau sơ chế) Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có)	Thực phẩm giao hàng ngày
46	Thịt vịt lọc	Da vịt có màu trắng không dính lông và tạp chất lạ, thịt lọc không có xương, tươi. Đáp ứng TCVN 7047: 2009; TCVN 12429-1-2018 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 5, 10 kg/túi . Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có). NXS: Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	Thực phẩm giao hàng ngày

47	Thịt gà tây lọc	Thịt gà tây lọc, tươi, có màu hồng nhạt đến hồng đậm, không dính lông và tạp chất lạ, thịt lọc không có xương. Đáp ứng TCVN 7047: 2009; TCVN 12429-1-2018 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 5, 10 kg/túi Trên túi có ghi rõ thông tin NSX số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
48	Thịt bò bắp	Thịt bò bắp có màu đỏ tươi (không thâm đen), gân trắng sáng, mỡ vàng nhạt, bề mặt khô ráo không nhớt và đàn hồi tốt khi ấn vào. Đáp ứng TCVN 7046: 2009; TCVN 12429-1-2018 hoặc tương đương Quy cách: đóng túi 1-3-5-10 kg/túi nilon Túi có tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng.Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
49	Thịt lợn nạc vai	Thịt ở phần vai, Thịt màu đỏ tươi, bề mặt khô, dẻo thịt có độ đàn hồi, không có nước, không dính lông và tạp chất lạ, không dính tạp chất. Đáp ứng theo TCVN 7046: 2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 3-5-10-15 kg/ túi. Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ(nếu có) NSX: Không quá 12h kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đơn đặt hàng Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
50	Xương khe lợn	Xương lợn có màu đỏ tươi. Đáp ứng TCVN 7046: 2009; TCVN 12429-1-2018 hoặc tương đương Quy cách: 1,2 5, 10 kg /Túi Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX số lượng, thông tin NCC và NCC phụ(nếu có) NSX: Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đặt hàng Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày

51	Thịt lợn vai sẵn	Có lớp thịt và mỡ chồng lên nhau (không có xương). Nguyên khối, không long, hai đầu miếng thịt được tẻ sạch mỡ. Thịt màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay vào miếng thịt có độ đàn hồi, không dính lông và tạp chất lạ. Đáp ứng theo TCVN 7046: 2009 hoặc tương đương Sơ chế theo đặt hàng. Quy cách: đóng gói 3-5-10-15 kg/ túi Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ(nếu có) NSX: Không quá 24 giờ kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng.Sơ chế theo yêu cầu Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
52	Lòng dồi	Lòng dồi bao gồm: Lòng lợn, gan, ruột non, phổi, lá lách được luộc hoặc hấp chín. không có mùi hôi, nhớt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Quy cách: đóng gói 3-5-10-15kg/túi Trên túi có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ(nếu có) Không quá 12h kể từ khi giết mổ đến khi giao hàng. Sơ chế theo đơn đặt hàng Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
53	Chả cá	Chả cá có thành phần chính là cá tươi, có màu hồng nhạt hoặc trắng ngà, với các gia vị như hành, tỏi, tiêu, hạt nêm, nước mắm và đã được chiên, có màu vàng, có vị thơm đặc trưng của chả Miếng chả có mùi thơm, không lẫn xương hoặc tạp chất. Đáp ứng theo TCVN 7050-2009 hoặc tương đương Quy cách: đóng gói 500g - 1 kg/ gói NSX: Không quá 24 giờ tính đến ngày giao hàng. Hàng loại 1	Thực phẩm giao hàng ngày
54	Trứng cút bóc vỏ	Quả trứng có màu trắng, tròn, không dập vỡ. Bề mặt không dính phân chim. Đáp ứng TCVN 1858:2018 hoặc tương đương Khối lượng: từ 0,01-0,015 gram/quả Quy cách: trứng bóc bỏ vỏ quả/khay	Thực phẩm giao hàng ngày

		Trên khay/ vỉ có dán tem ghi rõ thông tin NSX, số lượng, thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 05 ngày kể từ ngày gà đẻ Hàng loại 1	
55	Bánh bao nhân	Bánh được làm bằng bột mì, nhân thịt heo, mộc nhĩ, miến,... được nấu theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Việt Nam. Ghi rõ thông tin NSX, Số lượng Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) Quy cách: 350g/xuất NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi nhận hàng cho đến khi giao hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
56	Bánh tẻ, bánh rán	Bánh tẻ được làm bằng bột gạo tẻ , có màu trắng đục, nhân hành và thịt. Quy cách: mỗi phần ăn bánh nặng 350g. Bánh rán được làm bằng bột gạo nếp, có màu vàng, được nấu theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Việt Nam, Quy cách: 150g/xuất (bánh) Bao bì ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi nhận hàng cho đến khi giao hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
57	Bánh cuốn nhân	Bánh được làm bằng bột gạo tẻ, nhân thịt heo, mộc nhĩ, miến... được nấu theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Việt Nam. Quy cách: 350g/xuất Bao bì ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 24 giờ cho đến khi nhận hàng cho đến khi giao hàng	Thực phẩm giao hàng ngày
58	Bánh mỳ tươi chà bông	Bánh được làm bằng bột mỳ, nhân mặn. Thành phần ghi rõ trên gói, có dán tem ghi rõ thông tin ngày SX, số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có). Giao hàng trước 5 ngày của hạn sử dụng. Quy cách: 80g/xuất (cái)	Thực phẩm giao hàng ngày
59	Gạo tẻ	Gạo trắng, thơm, không chứa tạp chất và côn trùng, không bị ẩm mốc. Đáp ứng theo TCVN 11888: 2017 hoặc tương đương Quy cách: 50 kg/bao	Hàng hoá giao theo đợt

		Hàng mới sản xuất, hạn sử dụng còn tối thiểu là 3 tháng tính từ ngày giao hàng. Hàng loại 1, thuần chủng không biến đổi gen	
60	Muối trắng	Hạt có màu trắng. Đóng nguyên gói không bị thủng, hở túi. Quy cách: Đóng 1 kg/gói. Trên túi/bao có ghi rõ thông tin theo quy định NSX: Không quá 2/3 thời hạn sử dụng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
61	Mỳ chính	Hạt có màu trắng. Đóng nguyên gói không bị thủng, hở túi. Quy cách: Đóng 1 kg/gói. Trên túi/bao có ghi rõ thông tin theo quy định NSX: Không quá 2/3 thời hạn sử dụng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
62	Bột canh i-ốt	Hạt có màu trắng đóng nguyên gói không bị thủng, hở túi. Quy cách: Đóng gói 190g Trên túi/bao có ghi rõ thông tin theo quy định. NSX: Không quá 03 tháng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
63	Nước mắm	Mắm có màu nâu, có vị thơm. Độ đậm ≥ 32 độ Quy cách đóng gói: Đóng chai 750ml. Có dán tem ghi rõ thông tin theo quy định. NSX: Không quá 3 tháng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
64	Dầu ăn	Thành phần: Đậu nành Dung dịch lỏng có màu vàng óng. Quy cách: Đóng can 5 lít- 10 lít/can. Không bị thủng hay mở nắp. Trên chai/thùng có ghi rõ thông tin theo quy định NSX: Không quá 03 tháng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
65	Đường trắng	Đường Có màu nâu/trắng, hạt tròn, khô, không bị ướt tương đương tiêu chuẩn của đường Đại Mỹ Phú Quy cách đóng gói: 01 kg/túi.	Hàng hoá giao theo đợt

		Trên túi/bao có ghi rõ thông tin theo quy định NSX: Không quá 03 tháng cho đến khi giao hàng	
66	Giấy ăn	Hàng loại 1. Giấy mềm, mịn, dai, không ẩm ướt và mốc được đóng gói theo quy cách của nhà sản xuất. Trên túi/bao có ghi rõ thông tin theo quy định Quy cách: 1kg/ bịch NSX Không quá 05 tháng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
67	Dầu rửa bát	Dầu có màu trắng, thành phần thiên nhiên lô hội, không tạp chất, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng Quy cách đóng can: 3,3 lít/can/. Trên túi/bao có ghi rõ thông tin theo quy định NSX: Không quá 03 tháng cho đến khi giao hàng	Hàng hoá giao theo đợt
68	Tương nếp	Thành phần Gạo nếp, đậu tương, muối, nước sạch, sản phẩm không sử dụng chất bảo quản. Hàm lượng dinh dưỡng: Năng lượng tối thiểu 188Kcal/100g, Đạm tổng tối thiểu 9,47%, Carbohydrate tối thiểu 30,9%, Béo tổng tối thiểu 2,9% Quy cách đóng chai 5 lít - 10 lít. HSD 12 tháng kể từ ngày sản xuất	Hàng hoá giao theo đợt
69	Sữa tươi	Sữa có màu trắng, có vị thơm. Thành phần ghi rõ trên đóng gói. Có dán tem ghi rõ thông tin NSX, Số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) Quy cách: 180ml/1 hộp NSX: Không quá 02 tháng cho đến khi giao hàng.	Hàng hoá giao theo đợt
70	Sữa bột	Sữa bột có màu trắng, có vị hương vani. Thành phần ghi rõ trên hộp, có dán tem ghi rõ thông tin ngày SX, số lượng, Thông tin NCC và NCC phụ (nếu có) NSX: Không quá 02 tháng cho đến khi giao hàng. Quy cách đóng gói: 900gam/1 hộp	Hàng hoá giao theo đợt

*** Ghi chú:**

- Tên hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, quy cách chỉ mang tính tham khảo, nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu.

Nội hàm "tương đương" được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ
- (3) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (4) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (5) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (6) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (7) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo
- (8) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- (9) Các yếu tố tương đương khác

Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh.

1.3. Các yêu cầu khác:

- E-HSDT đính kèm file Excel/file Word Bảng so sánh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thể hiện các nội dung đáp ứng kỹ thuật của E-HSDT so với yêu cầu của E-HSMT và tối thiểu các thông tin sau của hàng hóa chào thầu (Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa file

Excel/file Word và file scan nhà thầu cung cấp):

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu của E-HSMT		Đáp ứng của nhà thầu							Các tiêu chuẩn đáp ứng (ISO 13485; CE; FDA...)	Mã VTYT dùng chung theo 5086 (nếu có)	Tên thương mại theo QĐ 5086 (Nếu có)
		Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật chào thầu	Model/ký mã hiệu	Hãng sản xuất và Hãng chủ sở hữu (trường hợp chủ sở hữu không phải hãng sản xuất)	Xuất xứ	Quy cách	Số lưu hành của hàng hóa			
1													
2													
3													
...													
n													

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trước khi bàn giao được tiến hành tại địa điểm bàn giao hàng hóa.

- Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

- Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định.

- Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra giám sát, tối thiểu theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra tình trạng vận chuyển, đóng gói nguyên vẹn, đồng bộ của hàng hóa tại địa điểm giao hàng. Nếu phát hiện hư hỏng thì lập biên bản hiện trường báo cáo chủ đầu tư.
2. Kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hóa trước khi bàn giao
3. Kiểm tra và bàn giao cho bên sử dụng: catalog, hướng dẫn sử dụng, hồ sơ kỹ thuật, chứng từ liên quan.